TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2068/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 609/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 312/2019/QĐST – HNGĐ ngày 23/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **A**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ chung cư đường A, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **B**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ chung cư đường Đ, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 31/05/2019, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án của ông A trình bày:

Ông A và bà B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận P, Thành phố Hà Nội năm 2010, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01/2010 ngày 12/11/2010.

Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do đôi bên bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế, Từ sau khi sinh con, bà B không đi làm, ông

A phải lo lắng mọi chi tiêu trong gia đình. Đến tháng 12/2015, ông A vào Thành phố Hồ Chí Minh công tác để có thêm thu nhập chu cấp cho gia đình, nhưng kể từ thời điểm này mâu thuẫn giữa hai bên càng trầm trọng. Bà B từ chối vào Thành phố Hồ Chí Minh để gia đình được đoàn tụ và cùng nhau san sẻ những khó khăn trong gia đình. Đến tháng 3/2017, sau khi ông A dành dụm đủ tiền để mua và sửa chữa nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh thì bà B mới đồng ý vào.

Từ tháng 9/2017 đến tháng 12/2017, giữa ông và bà B liên tục xảy ra xung đột nên ông quyết định sống ly thân và dọn ra ở nơi khác cho đến nay, tuy nhiên ông vẫn về nhà chăm sóc con chung vào dịp cuối tuần. Tháng 02/2019, hai bên đã thỏa thuận chia tài sản chung và nuôi con, có lập vi bằng số 401/2019/VB-TPLTĐ ngày 24/02/2019, có cha mẹ hai bên chứng kiến. Tháng 5/2019, ông bán nhà và chia cho bà B 03 (Ba) tỷ đồng, bà B đã ký đơn thuận tình ly hôn nộp tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Do cuộc sống hôn nhân ngày càng trở nên nặng nề dù cả hai đã cố gắng tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng, không có khả năng hàn gắn nên cả hai đã thống nhất thuận tình ly hôn, nhưng đến nay bà B lẩn tránh không ra Tòa và vẫn gây căng thẳng cho mối quan hệ hiện tại, ông A nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà được nữa nên yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên C sinh ngày 10/01/2013. Ông bà đã thỏa thuận giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A đồng ý giao con chung cho bà B nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà B vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ việc thuận tình ly hôn theo đơn thuận tình ly hôn của ông Avà bà B. Bà B cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa.

Tại phiên tòa, ông A vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và yêu cầu được ly hôn với bà B,

Về con: Ông A giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông không trợ cấp nuôi con hàng tháng mà ông thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo hình thức tạo tài sản cho con và đầu tư các khoản gửi tiết kiệm, mua bảo hiểm nhân thọ hoặc các mục đích khám chữa bệnh cho con từ phần tiền thuộc sở hữu của ông trong việc bán tài sản chung của ông và bà B đã được thỏa thuận tại vi bằng số 401/2019/VB-TPLTĐ ngày 24/02/2019 do Văn phòng Thừa phát lại Thủ Đô lập.

Về tài sản chung: Ông A không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Ông A khai không có nợ chung.

Về phía bị đơn, bà B đã hai lần vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không lý do, không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa mặc dù Tòa đã tiến hành triệu tập xét xử theo Luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại

phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà B đã cùng ký đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn với ông A ngày 31/5/2019 nhưng sau đó không đến Tòa án làm việc và cũng không có lời trình bày về quan hệ hôn nhân với ông A, chứng tỏ bà B không còn quan tâm đến hôn nhân này. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy quá trình sống chung, vợ chồng ông A và bà B có nhiều bất đồng về quan điểm sống, xuất phát từ việc không hòa hợp, bất đồng trong thời gian dài mà không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông A yêu cầu ly hôn với bà B là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông A được ly hôn với bà B,

Về con chung: ông A giao con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận giữa ông và bà B tại vi bằng số 401/2019/VB-TPLTĐ ngày 24/02/2019 do Văn phòng Thừa phát lại Thủ Đô lập.

Về tài sản chung: ông A không yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông A và bà B nộp đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn thụ lý số 1061/2019 ngày 18/6/2019, tuy nhiên bà B đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến Toà án để giải quyết nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản phản hồi cho Toà án, đồng thời ông A có đơn yêu cầu chuyển việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thành vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào khoản 2 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án đã ra quyết định đình chỉ xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 1908 ngày 25/10/2019 và thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 2068/2019 ngày 29/10/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 22, quận Bình Thạnh ngày 06/9/2019 thì từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2019, bà B có cư ngụ tại căn hộ chung cư đường Đ, Phường M, quận B,Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là căn hộ C3.15.11), sau khi bán nhà bà B đã đi đâu không rõ. Tại giấy báo nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, chính bà B là người trực tiếp nộp đơn tại Tòa, bà đã viết và ký xác nhận vào ngày 31/5/2019 về việc nhận giấy báo nhận đơn. Bên cạnh đó, bà Bcó nộp "Đơn xin xác nhận tạm trú" được Công an Phường M, quận B xác nhận ngày 31/5/2019 với nội dung " anh A, sinh năm 1977 và chị B, sinh năm 1982 hiện tạm trú tại C3-15.11 đường Đ, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh". Đồng thời, tại sổ đăng ký tạm trú số 310002493 thể hiện bà B đã đăng ký tạm trú tại địa chỉ căn hộ chung cư số C3-15.11 đến ngày 09/10/2020. Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 31/5/2019, bà B cũng đã cung cấp địa chỉ của bà tại căn hộ chung cư số C3-15.11. Như vậy, bà B đi khỏi nơi cư trú đã không thông báo địa chỉ mới cho Tòa án Bình Thạnh được xác định thuộc trường hợp theo qui

định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2, khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định địa chỉ căn hộ chung cư số C3-15.11 đường Đ, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ đầy đủ và đúng của bà B. Đồng thời, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp về việc ly hôn giữa ông Avà bà B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà B đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến Tòa để tự khai, tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa sơ thẩm theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản phản hồi ý kiến đến Tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 12/11/2010 của Ủy ban nhân dân Phường N, Quận P, Thành phố Hà Nội đã đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông A và bà B là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở kết luận giữa ông A và bà B đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, nguyên nhân do đôi bên thiếu sự quan tâm, thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ công việc và kinh tế gia đình. Ông A khai đôi bên đã ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Đồng thời, ông A và bà B đã thể hiện ý chí thống nhất ly hôn với nhau được lập tại Vi bằng số 401/2019/VB-TPL ngày 24/02/2019 do Văn phòng Thừa Phát Lại Thủ Đô lập có sự chứng kiến của cha mẹ hai bên. Sự tự nguyện ly hôn và ý chí ly hôn của cả hai còn được khẳng định qua Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn do chính ông A và bà B ký nộp Tòa án ngày 31/5/2019. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông A vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, trong khi bà B vắng mặt suốt. Việc bà B vắng mặt chứng tỏ bà không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Cho thấy, hôn nhân của ôngA và bà B thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, khả năng hàn gắn là không thể vì hai bên không còn tình cảm với nhau, không còn mong muốn cùng nhau chung sống, cùng nhau xây dựng tương lai, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều này vi phạm một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 3 Điều 2 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: " Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc: các thành viên gia đình có nghĩa vụ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau:…". Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ađược ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông A và bà B có 01 con chung tên C sinh ngày 10/01/2013, ông A đồng ý giao con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, ông A không trợ cấp nuôi con hàng tháng mà ông thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo hình thức tạo tài sản cho con và đầu tư các khoản gửi tiết kiệm, mua bảo hiểm nhân thọ hoặc các mục đích khám chữa bệnh cho con từ phần

tiền thuộc sở hữu của ông trong việc bán tài sản chung của ông và bà B đã được thỏa thuận tại vi bằng số 401/2019/VB-TPLTĐ ngày 24/02/2019 do Văn phòng Thừa phát lại Thủ Đô lập. Xét, trước nay, việc chăm sóc nuôi dưỡng trẻ C đều do bà B trực tiếp thực hiện, ông A cũng thừa nhận bà B rất yêu thương và chăm sóc con rất tốt; ông A tự nguyện giao con chung C cho bà B nuôi dưỡng cũng như đề nghị được thực hiện việc cấp dưỡng như đã trình bày trên hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 31/5/2019 và nội dung vi bằng số 401/2019/VB-TPLTĐ ngày 24/02/2019. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện không trái luật này của ông A.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông A khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: ông A phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, khoản 5 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2, khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông A,

- Về quan hệ vợ chồng: Ông A được ly hôn với bà B.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ C, sinh ngày 10/01/2013 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông A thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo nội dung vi bằng số 401/2019/VB-TPLTĐ ngày 24/02/2019 do Văn phòng Thừa Phát Lại Thủ Đô lập

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có

2. Về án phí: Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021087 ngày 14/6/2019 và biên lai thu số 0017360 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bđược quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường Lý Thái Tổ, HK, HN
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Thanh Thảo